TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày 28-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Phạm Thị Khanh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Hữu A, sinh ngày 19 tháng 3 năm 1996 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn TTL2 , xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T và bà Trịnh Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14-7-2019 đến ngày 23-7-2019 chuyển tạm giam đến nay; có mặt.

Bị hại:

Bà Đỗ Thị N; nơi cư trú: Thôn LĐ2, xã TP, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người làm chứng:

Ông Phạm Trung K; có mặt; ông Phạm Hữu K1; có mặt; ông Phạm Văn Đ, ông Bùi Văn L, ông Hoàng Văn L, bà Đỗ Phương H; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết Phạm Trung K là con bà Đoàn Thị N ở thôn LĐ2, xã TP, huyện VB, thành phố Hải Phòng nên vào khoảng 16 giờ 30 ngày 11-7-2019 Phạm Hữu A đến nhà bà N chơi và ở lại đó. Đến khoảng 04 giờ ngày 12-7-2019, bà N đi làm thì phát hiện thấy 01 chiếc túi xách bằng vải màu đen, tay cầm màu trắng của mình để ở ngoài cổng, bà N nghi là bị trộm cắp nên gọi mọi người thức dậy trong đó có cả An rồi kiểm tra chiếc túi và xung quanh nhà nhưng không thấy mất tài sản gì. Sáu đó bà N đi vào trong phòng ngủ lấy ra 01 chiếc túi xách da màu hồng và kiểm tra bên trong thì vẫn còn số tiền 4.900.000 đồng cùng 01 đôi bông tai bằng vàng 9999 có trọng lượng 01 chỉ nên treo chiếc túi trên tường ở đầu giường ngủ của mình. Đến trưa cùng ngày, bà N lấy 400.000 đồng trong chiếc túi đưa cho con trai là Phạm Hữu K1 để đi mua đạm và đi làm. Sau đó anh Kim đưa số tiền này cho Phạm Hữu K thì K bảo cất vào ví của A nên A giữ số tiền này. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, anh K rủ A và anh K1 đi xe mô tô mang biển số 33K9-3340 đến chơi điện tử tại một quán cách nhà khoảng 3 km ở xã ĐM, huyện VB. Trước khi đi, anh Kim khóa cửa phòng ngủ của bà N nhưng không khóa được nên A đã khóa giúp rồi cất luôn chìa khóa vào ví của mình. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi cả ba người đang chơi điện tử, A nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền còn lại là 4.500.000 đồng và số vàng trong chiếc túi của bà N. Thực hiện ý định A đã nói dối Kiên là cho mượn xe mô tô để quay về nhà K lấy điện thoại, anh Kiên đồng ý. Sau đó, A đi về nhà anh K , lúc này nhà anh K không có ai ở nhà, A lấy chìa khóa mà mình đang giữ, mở cửa phòng ngủ của bà N rồi lấy hết số tiền và vàng trong chiếc túi xách của bà N. Đồng thời, khi thấy trong chiếc túi có 01 giấy đăng ký của chiếc xe mô tô mà A đã mượn của anh K nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt và lấy luôn giấy đăng ký của chiếc xe. An treo chiếc túi lại vị trí cũ, dọn dẹp quần áo của mình rồi bỏ trốn đến huyện HH , tỉnh Bắc Giang. Trên đường đi, A đã bán đôi bông tai trên cho 01 cửa hàng vàng bạc ở thành phố Hải Dương được 3.790.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ ngày 14-10-2019, khi A đang chơi điện tử tại huyện HH , tỉnh Bắc Giang thì bị người nhà của chị Đỗ Phương H, sinh năm 1988 ở thôn HL, xã HA, huyện HH , tỉnh Bắc Giang tố cáo A có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị H trước đó (H là bạn của A). Tại Công an huyện HH , tỉnh Bắc Giang, A đã tự thú khai nhận về hành vi chiếm đoạt tài sản của gia đình bà N vào ngày 12-7-2019 và giao nộp số tiền còn lại là 5.325.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1200, chiếc xe mô tô mang biển số 33K9-3340 cùng giấy đăng ký chiếc xe này. Đến 21 giờ 30 phút ngày 14-7-2019, Công an huyện HH, tỉnh Bắc Giang đã bàn giao Phạm Hữu A cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện VB, thành phố Hải Phòng để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 40 ngày 30-7-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện VB đã kết luận về đôi bông tai của bà Đoàn Thị N như sau: Giá trị đôi bông tai bằng vàng 9999 có khối lượng 01 chỉ là 3.800.000 đồng (Ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18 ngày 29-7-2019 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện VB đã kết luận về chiếc xe máy của gia đình bà Đoàn Thị N như sau: Giá trị xe máy BKS 33-K9-3340 là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Hữu A về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Hữu A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu: Vào 16 giờ 00 phút ngày 12-7-2019, Phạm Hữu A đã một mình lén lút chiếm đoạt của bà Đoàn Thị N 01 đôi bông tai bằng vàng 9999 trị giá 3.800.000 đồng và 4.500.000 đồng tiền mặt tại gia đình bà N ở thôn LĐ2, xã TP, huyện VB, tổng tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 8.300.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản của bà N, An bỏ trốn đến huyện HH , tỉnh Bắc Giang. Ngày 14 tháng 7 năm 2018 An bị người nhà của chị Đỗ Phương H tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị H trước đó và đưa đến Công an huyện HH , tỉnh Bắc Giang. Tại đây A đã tự thú khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của gia đình bà N vào ngày 12-7-2019.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSVB ngày 10 tháng 10 năm 2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB đã truy tố Phạm Hữu A về tội Trộm cắp tài sản khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định việc truy tố Phạm Hữu A về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Căn cứ tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS năm 2015 tuyên bố bị cáo Phạm Hữu A phạm tội Trộm cắp tài sản, xử phạt An từ 09 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền còn thiếu, tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; trả lại bị cáo Phạm Hữu A 01 điện thoại di động Nokia 1200; trả lại bà Đoàn Thị N số tiền là 5.325.000 đồng. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện VB, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu được, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác. Có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 12 tháng 7 năm 2019 Phạm Hữu A đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Đoàn Thị N ở thôn LĐ2, xã TP, huyện VB, thành phố Hải Phòng, đã lén lút trộm cắp của Đoàn Thị N 4.500.000 đồng tiền mặt và 01 đôi bông tai bằng vàng 9999 trị giá 3.800.000 đồng, tổng giá tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 8.300.000 đồng. Do đó, bị cáo Phạm Hữu A phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, xã hội. Do đó đối với bị cáo cần phải áp dụng hình phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục cũng như phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Hữu A chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi thực hiện hành vi, bị cáo đã tự thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự và được tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, có ông nội Phạm Văn È được tặng huân chương kháng chiến hạng Ba. Sau khi thực hiện hành vi bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp lại số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm i, b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo song xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời hạn nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015 bị cáo có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của bà Đoàn Thị N 4.500.000 đồng tiền mặt và 01 đôi bông tai bằng vằng có giá trị 3.800.000 đồng. Quá trình bắt giữ bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.325.000 đồng để trả cho bà N, bà N đề nghị xin lại số tiền bị cáo đã giao nộp. Đối với số tiền còn thiếu, bà N đã nhận từ gia đình bị cáo và không có ý kiến gì. Tại phiên tòa bà N không yêu cầu bồi thường nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 400.000 đồng và chiếc xe mô tô mang biển số 33K9-3340 có giá trị 3.000.000 đồng. Sau khi được giao những tài sản này của bà N, bị cáo A mới nảy sinh ý định chiếm đoạt. Số tài sản này có tổng giá trị 3.400.000 đồng (dưới 4.000.000 đồng) mặt khác, bản thân A chưa có tiền án, tiền sự về các hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó hành vi này của An không cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 175 BLHS nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB không khởi tố mà ra quyết định xử phạt hành chính đối với A là phù hợp.

[8] Đối với việc người nhà của chị Đỗ Phương H tố giác Phạm Hữu A có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị H . Tuy nhiên theo chị H cho biết, chị H nhiều lần cho A vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa đối, ép buộc hiện chị H không có yêu cầu đề nghị về số tiền này. Do đó, đây chỉ là giao dịch dân sự giữa chị H và bị cáo Phạm Hữu A, không có dấu hiệu của tội phạm.

[9] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 33K9-3340, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Đoàn Văn L. Do chưa xác định được chủ sở hữu chiếc xe này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn thu giữ 01 điện thoại di động Nokia của Phạm Hữu A, số tiền 5.325.000 đồng. Chiếc điện thoại của A không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại bị cáo quản lý sử dụng. Đối với số tiền bị cáo đã tự nguyện giao nộp để trả lại cho bị hại, do đó cần trả lại cho bị hại Đoàn Thị N quản lý số tiền này.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Phạm Hữu A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt:

Phạm Hữu A 09 (Chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 14 tháng 7 năm 2019.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại cho bị hại Đoàn Thị N số tiền là 5.325.000 đồng (Năm triệu, ba trăm hai mươi năm nghìn đồng); trả lại bị cáo Phạm Hữu A 01 điện thoại di động Nokia 1200. Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB và Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB.

3. Về án phí: Căn khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử bị cáo Phạm Hữu A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng (PV27, PC 81);
- Công an huyện VB;
- Chi Cục THADS huyện VB;
- Trại tạm giam;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền